

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 110/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

**Về tổ chức và hoạt động của
thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành, cộng tác viên thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Đối tượng thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II

**TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỨC NĂNG THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Điều 3. Các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Cơ quan thanh tra nhà nước:

a) Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ);

b) Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở).

2. Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành:

- a) Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;
- b) Cục Quản lý lao động ngoài nước;
- c) Cục An toàn lao động.

Điều 4. Vị trí, chức năng của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, giúp Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng) quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hiện thanh tra hành chính, thanh chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Bộ chịu sự chỉ đạo, điều hành của Bộ trưởng và chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 18 Luật thanh tra và Điều 7 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Điều tra tai nạn lao động và những vi phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động.

2. Tham gia hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động.

3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

5. Tham mưu cho Bộ trưởng về công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

6. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

Chánh Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 19 Luật thanh tra, Điều 8 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận thanh tra; giám sát hoạt động của đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

3. Giúp Bộ trưởng kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

4. Tổ chức xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.

5. Tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

6. Giúp Bộ trưởng chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Bộ trưởng giao.

Điều 7. Vị trí, chức năng của Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, giúp Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra Sở chịu sự chỉ đạo, điều hành của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Giám đốc Sở); chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Luật thanh tra, Điều 13 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Điều tra tai nạn lao động và những vi phạm an toàn lao động, vệ sinh lao động.
2. Tham gia hướng dẫn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động.
3. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.
4. Tham mưu cho Giám đốc Sở về công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật khi được Giám đốc Sở giao.
5. Tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh về kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; báo cáo Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Giám đốc Sở giao.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

Chánh Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 Luật thanh tra, Điều 14 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.
2. Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận thanh tra; giám sát hoạt động của đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.
3. Giúp Giám đốc Sở kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về khiếu nại.
4. Tổ chức xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung xác minh, kiến nghị biện pháp xử lý tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở khi được giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.

5. Tổ chức thực hiện công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật khi được Giám đốc Sở giao.

6. Giúp Giám đốc Sở chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc do Giám đốc Sở giao.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục An toàn lao động

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục An toàn lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 10 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục, Cục.

2. Tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý với Thanh tra Bộ.

3. Tham gia với Thanh tra Bộ hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Tổng cục, Cục.

4. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện thanh tra chuyên ngành của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục trưởng Cục An toàn lao động

Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục trưởng Cục An toàn lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 11 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Quyết định thanh tra chuyên ngành và thành lập đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện kết luận thanh tra; giám sát hoạt động của đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của mình.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Bộ phận tham mưu về công tác thanh tra chuyên ngành thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước và Cục An toàn lao động

1. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành tại Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp tổ chức theo mô hình Vụ, tại Cục Quản lý lao động ngoài nước và Cục An toàn lao động tổ chức theo mô hình Phòng.

2. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, bộ phận có liên quan thuộc Tổng cục, Cục xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp;

b) Thực hiện thanh tra theo kế hoạch; thanh tra thường xuyên; thanh tra đột xuất khi được Thủ trưởng cơ quan giao;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật khi được phân công;

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả công tác thanh tra chuyên ngành; giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

đ) Giúp Thủ trưởng đơn vị theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc thẩm quyền;

e) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Thủ trưởng cơ quan giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN CHỨC NĂNG THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Điều 13. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Hoạt động thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ và Thanh tra Sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung thanh tra hành chính: Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

Điều 14. Hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Hoạt động thanh tra chuyên ngành do các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Điều 3 Nghị định này thực hiện.

2. Hoạt động thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 51 đến Điều 56 Luật thanh tra, từ Điều 14 đến Điều 32 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 15. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lao động, an toàn vệ sinh lao động

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật lao động: Việc chấp hành các nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động; hợp đồng lao động; học nghề, tập nghề; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; tiền lương; thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; việc thực hiện những quy định riêng đối với lao động nữ, lao động chưa thành niên và một số loại lao động khác; việc thực hiện các quy định khác của pháp luật lao động.

2. Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động: Việc thực hiện các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại cho người lao động; các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với một số lao động đặc thù; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; hoạt động của các tổ chức dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 16. Nội dung thanh tra chuyên ngành về việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về việc làm của người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc làm gồm: Chính sách hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức và hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội của tổ chức bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và người lao động.

3. Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về trách nhiệm tham gia bảo hiểm y tế của người sử dụng lao động, người lao động quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế và đối tượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý quy định tại các điểm d, e, g, h, i và k khoản 3 và khoản 4 Điều 12 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

Điều 17. Nội dung thanh tra chuyên ngành về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy chuyên trách của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về việc ký kết các hợp đồng liên quan đến việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; tuyển chọn lao động; dạy nghề, ngoại ngữ cho người lao động; tổ chức bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện các hợp đồng có liên quan đến đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; thanh lý hợp đồng giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp và người lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện các chế độ tài chính trong hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định khác của pháp luật về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 18. Nội dung thanh tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp

1. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tổ chức cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp; quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; nhà giáo và người học; kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Điều 19. Nội dung thanh tra chuyên ngành về người có công

1. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng: Việc thực hiện các quy định về đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của họ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của họ.

2. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý; việc quản lý, sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; việc thực hiện các quy định khác về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 20. Nội dung thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực trẻ em và các chính sách xã hội khác

1. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội: Việc thực hiện chương trình hành động quốc gia vì trẻ em; chương trình bảo vệ trẻ em; thực hiện quyền trẻ em, việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các chương trình, kế hoạch khác về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em thuộc phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về giảm nghèo và trợ giúp xã hội; việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và các chương trình trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bình đẳng giới; việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về chính sách, giải pháp phòng ngừa tệ nạn mại dâm; cai nghiện ma túy; quản lý sau cai nghiện; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; tổ chức và hoạt động của các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội; cơ sở quản lý sau cai nghiện.

5. Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

Điều 21. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm

1. Chiếm nhất vào ngày 01 tháng 11 hằng năm, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước căn cứ hướng dẫn của Thanh tra Bộ và yêu cầu công tác quản lý của mình có trách nhiệm gửi kế hoạch thanh tra đến Thanh tra Bộ để tổng hợp, xem xét, báo cáo Bộ trưởng. Căn cứ định hướng chương trình thanh tra, hướng dẫn của Tổng Thanh tra Chính phủ và yêu cầu công tác quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và kế hoạch

thanh tra của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục An toàn lao động, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Thanh tra Bộ có trách nhiệm trình Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Bộ trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

2. Căn cứ kế hoạch thanh tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra tỉnh và yêu cầu công tác quản lý của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương, Thanh tra Sở xây dựng kế hoạch thanh tra, trình Giám đốc Sở chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 hàng năm.

Giám đốc Sở phê duyệt kế hoạch thanh tra chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Kế hoạch thanh tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được gửi cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Đối với hoạt động thanh tra lao động, hàng năm, Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở được yêu cầu doanh nghiệp tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật để làm cơ sở xây dựng kế hoạch thanh tra năm tiếp theo. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể việc tự kiểm tra của doanh nghiệp.

Điều 22. Trình tự, thủ tục thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Trình tự, thủ tục thanh tra hành chính ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo Luật thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo Luật thanh tra, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và các quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các cuộc thanh tra chuyên ngành lao động, an toàn, vệ sinh lao động được thực hiện như sau:

a) Việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra, phổ biến kế hoạch tiến hành thanh tra, xây dựng đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo, được thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Trường hợp thực hiện các cuộc thanh tra liên tiếp nhau, cùng thành phần đoàn thanh tra và nội dung thanh tra thì kế hoạch thanh tra được xây dựng gộp cho các cuộc thanh tra.

b) Thông báo việc công bố quyết định thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Trường hợp nếu có căn cứ cho rằng việc báo trước sẽ ảnh hưởng đến kết quả thanh tra hoặc phải can thiệp ngay để bảo vệ quyền của người lao động hoặc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên được giao tiến hành thanh tra độc lập có quyền vào cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bất kể ngày hay đêm mà không cần phải báo trước và phải được sự đồng ý của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

Việc thực hiện thanh tra vào ban đêm, ngoài giờ hành chính có sự phối hợp của cơ quan chức năng có liên quan, cơ quan công an và chính quyền địa phương (nếu thấy cần thiết). Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng cơ chế phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan.

c) Công bố quyết định thanh tra

Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ký quyết định thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm công bố quyết định thanh tra với đối tượng thanh tra, biên bản công bố quyết định thanh tra được lập chung với biên bản làm việc của đoàn thanh tra.

d) Báo cáo kết quả thanh tra

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc thanh tra cuối cùng của kế hoạch thanh tra, Trưởng đoàn thanh tra phải có văn bản báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra.

Báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra đảm bảo nội dung quy định tại Điều 25 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

4. Kết luận thanh tra chuyên ngành

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra, nội dung giải trình của đối tượng thanh tra (nếu có), chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thanh tra, người ra quyết định thanh tra phải ban hành kết luận thanh tra đối với từng đối tượng thanh tra.

Nội dung kết luận thanh tra đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 23. Xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra

1. Trong trường hợp đối tượng và nội dung thanh tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có chồng chéo với đối tượng, nội dung thanh tra của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Bảo hiểm Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Bộ trưởng, Giám đốc Sở chủ trì phối hợp với Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giải quyết.

2. Việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra lĩnh vực khác thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thanh tra lại

1. Chánh Thanh tra Bộ quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành; Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Bộ trưởng giao.

2. Thanh tra Sở quyết định thanh tra lại vụ việc đã được Bảo hiểm Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kết luận thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Giám đốc Sở giao.

3. Trình tự, thủ tục thanh tra lại được thực hiện theo quy định từ Điều 48 đến Điều 52 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và từ Điều 33 đến Điều 38 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Điều 25. Chế độ báo cáo công tác thanh tra

1. Thanh tra Bộ báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra Chính phủ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm được giao theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành đến Thanh tra Bộ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

3. Thanh tra Sở báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng; báo cáo Chánh Thanh tra Bộ về công tác thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ báo cáo định kỳ về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THANH TRA VIÊN, CÔNG CHỨC THANH TRA CHUYÊN NGÀNH, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Điều 26. Thanh tra viên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Thanh tra viên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là công chức thuộc Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn của thanh tra viên được quy định tại Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Luật thanh tra; Điều 2, Điều 3, Điều 5 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Thanh tra viên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp trang phục thanh tra, thẻ thanh tra, cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.

4. Thanh tra viên được giao nhiệm vụ thanh tra đột xuất vào ban đêm hoặc ngoài giờ hành chính được hưởng chế độ làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 27. Công chức thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Công chức thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là người thuộc biên chế của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này, được Thủ trưởng cơ quan phân công thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

2. Công chức thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

3. Công chức thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có trang phục, thẻ công chức thanh tra chuyên ngành và được hưởng chế độ bồi dưỡng khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo quy định của pháp luật.

4. Công chức thanh tra chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 28. Cộng tác viên thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Cộng tác viên thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là người không thuộc biên chế của cơ quan thanh tra nhà nước, được Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở trung tập tham gia đoàn thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

2. Cộng tác viên thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về thanh tra và pháp luật liên quan.

3. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn công tác viên thanh tra, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với công tác viên thanh tra phù hợp với đặc điểm hoạt động thanh tra do bộ quản lý.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA NGÀNH LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Phê duyệt chương trình kế hoạch thanh tra hàng năm.
3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.
4. Kiện toàn tổ chức, bố trí công chức có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức làm công tác thanh tra; tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho công tác thanh tra.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức, chỉ đạo, thực hiện việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, biên chế, trang phục, phương tiện, thiết bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động của Thanh tra Sở theo đề nghị của Giám đốc Sở.
2. Ban hành quy chế phối hợp hoạt động giữa Thanh tra Sở và các cơ quan công an, quản lý thị trường, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan tổ chức có liên quan trên địa bàn.

Điều 31. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm.
3. Xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị về công tác thanh tra.
4. Kiện toàn tổ chức và bảo đảm kinh phí, điều kiện hoạt động của Thanh tra Sở theo thẩm quyền.

5. Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về công tác thanh tra; xử lý vấn đề chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuộc phạm vi quản lý của mình.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Thanh tra Bộ phối hợp với các đơn vị trực thuộc Thanh tra Chính phủ; Thanh tra các Bộ, ngành; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các tổ chức đại diện khác của người sử dụng lao động, người lao động; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2. Thanh tra Sở phối hợp với Thanh tra Bộ; Thanh tra tỉnh; cơ quan chuyên môn, Thanh tra các sở, ngành của tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, các tổ chức đại diện khác của người sử dụng lao động, người lao động; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; Thanh tra huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân và phòng, chống tham nhũng.

3. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Cục An toàn lao động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phạm vi hoạt động thanh tra chuyên ngành được giao tại Nghị định này, theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội trong hoạt động thanh tra; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra theo quy định pháp luật.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2017, thay thế Nghị định số 39/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).KN 104

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc